

Bản án số: **60/2022/HSST**

Ngày: 29/7/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Thi Thi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bình**

Ông **Nguyễn Công Chi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Giang** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

TRẦN CẢNH T, sinh ngày 24/5/1993 tại Quảng Nam; Nơi ĐKKHKT: xã Điện Minh, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ 118, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T (s) và bà Trần Thị Th (s); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Bà **Trần Thị Kiều O**, sinh năm: 1987. Trú tại: K138/74/4/69 Hoàng Văn Thái, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà **Trần Thị Thu K**, sinh năm: 1994. Trú tại: 88 Bình Hòa 15, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2020, **TRẦN CẢNH T** thường xuyên sử dụng tài khoản Zalo của T mang tên “Trần Cảnh Tùng” (được đăng ký bằng số điện thoại 0905 977 298) để tìm kiếm, kết bạn và làm quen với các cô gái. Qua tìm kiếm, T có kết bạn và nhắn tin làm quen với chị **Trần Thị Kiều O** sử dụng tài khoản Zalo mang tên “Oanhtran” (được đăng ký bằng số điện thoại 0902 323 313), để tạo sự tin tưởng cho chị O, T tự xưng mình tên

Trần Cảnh Tùng là nhân viên Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Thành ủy Đà Nẵng và có mối quan hệ quen biết với nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức ban ngành thuộc thành phố Đà Nẵng. Khoảng tháng 9/2020, T lên mạng xã hội đặt làm một bảng tên “Trần Cảnh Tùng” nhân viên Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Thành ủy Đà Nẵng với giá 300.000 đồng. T chụp hình bảng tên và đưa lên mạng xã hội zalo (T không xác định được cơ sở làm bảng tên). Quá trình quen với chị O, T có đến nhà chị O tại địa chỉ: K138/74/4/69 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng chơi và biết chị O được ông Trần Văn Nam (bố của Oanh) cho một lô đất (có thửa đất số 39, tờ bản đồ số 21, diện tích 100m² thuộc phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) để ở và lô đất này đang ở nằm trong khu vực giải tỏa nên chị O chưa làm được thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lợi dụng sự tin tưởng của chị O về việc T làm cán bộ Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Thành ủy Đà Nẵng và có mối quan hệ quen biết với nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức ban ngành thuộc thành phố Đà Nẵng nên T nhận lời giúp chị O làm các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất chị O nói trên nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền bà Oanh đưa để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá là 54.000.000 đồng. Riêng bảng tên Trần Cảnh Tùng nhân viên Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Thành ủy Đà Nẵng thì thời gian sau T đã vứt bỏ (không xác định được địa điểm).

Trong quá trình nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T đã yêu cầu chị O đưa 03 lần với tổng số tiền là 16.500.000 đồng. Cụ thể: Khoảng tháng 10/2020, tại quán cà phê Fika (địa chỉ: Số 191 Ông Ích Khiêm, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng), chị O đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng và bộ hồ sơ phôtô gồm Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở và Sơ đồ vị trí khu đất xin xây dựng nhà ở mang tên Trần Văn Nam, có xác nhận của UBND phường Hòa Khánh cũ, quận Liên Chiểu ghi ngày 19/7/2000; Khoảng tháng 11/2020, tại nhà chị O K138/74/4/69 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, chị O đưa thêm số tiền 5.000.000 đồng cho T; Khoảng cuối tháng 12/2020, tại quán cà phê Moss (địa chỉ: Số 140/02 Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng), chị O đưa cho T số tiền nộp thuế đất cho lô đất của chị O là 6.500.000 đồng. Đồng thời, T cam kết tháng 01/2021, T sẽ hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất nói trên cho chị O.

Cũng trong thời gian này, khoảng giữa tháng 11/2020, chị Trần Thị Thu K (là đồng nghiệp của chị O) biết được chị O nhờ được người làm giúp thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị K cũng nhờ chị O giúp chị K làm các thủ tục tách thửa đất và thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 44 thuộc phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Sau đó, chị O nhờ T giúp làm các thủ tục tách thửa đất và thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất nói trên của chị K. Qua thỏa thuận, T đồng ý làm các thủ tục đất nói trên và cam kết tháng 02/2021 sẽ hoàn thành các thủ tục tách thửa đất và thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất của chị K với giá

65.000.000 đồng. Đồng thời, T nói chị O đưa số tiền chi phí làm thủ tục đất là 10.000.000 đồng, kèm theo bộ hồ sơ phôtô có liên quan đến lô đất nói trên của chị K. Chị O đã thông báo cho chị K biết về chi phí làm các thủ tục đất nói trên và sau đó chị K đã đưa cho chị O số tiền 10.000.000 đồng, kèm theo bộ hồ sơ phôtô có liên quan đến lô đất nói trên. Tại quán cà phê Moss (địa chỉ: Số 140/02 Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng), chị O đưa số tiền 10.000.000 đồng, kèm theo bộ hồ sơ phôtô có liên quan đến lô đất nói trên cho T. Đến khoảng tháng 12/2020, T tiếp tục yêu cầu chị O đưa thêm tiền chi phí để làm thủ tục đất cho chị K. Sau đó, chị O lấy tiền của chị K và đưa cho T hai lần với số tiền là 6.000.000 đồng và 5.000.000 đồng Tại quán cà phê Moss (địa chỉ: Số 140/02 Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng)

Tổng số tiền mà T đã nhận của chị O để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục tách thửa đất đối với hai lô đất của chị O và chị K là 37.500.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền và 02 bộ hồ sơ đất phôtô T không thực hiện việc làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục tách thửa đất đối với hai lô đất nói trên. Đồng thời, T không liên hệ bất kỳ cơ quan, ban ngành để thực hiện việc làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục tách thửa đất đối với hai lô đất nói trên. Bản thân T làm nghề nghiệp lái xe, không có nhiệm vụ quyền hạn trong việc làm các thủ tục liên quan đến đất đai. Số tiền T chiếm đoạt nói trên T sử dụng tiêu xài vào mục đích cá nhân hết.

Đến thời hạn cam kết, chị O không nhận được các giấy tờ liên quan đến các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục tách thửa đất đối với hai lô đất trên nên đã liên hệ T và yêu cầu T trả lại số tiền chi phí làm các thủ tục đất có liên quan đến hai lô đất trên là 37.500.000 đồng. Tuy nhiên, T không trả tiền và trốn tránh chị O. Qua tìm hiểu, chị O biết được T không phải là Trần Cảnh Tùng cán bộ Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Thành ủy Đà Nẵng và T không thực hiện việc làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục tách thửa đất đối với hai lô đất nói trên nên chị O có đơn tố giác về tội phạm đến cơ quan Công an. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, TRẦN CẢNH T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nói trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 bộ hồ sơ đất phôtô do bà Trần Thị Kiều O đưa cho T gồm: Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Kiều O; Đơn xin xác nhận nhà ở của Trần Văn Nam ghi ngày 09/5/2016; Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở và Sơ đồ vị trí khu đất xin giao để xây dựng nhà ở mang tên Trần Văn Nam ghi ngày 04/7/2000; Sổ hộ khẩu của Trần Văn Nam;

- 01 bộ hồ sơ đất phôtô của bà Kỳ do bà Trần Thị Kiều O đưa cho T gồm: Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Hồng; Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Ninh; Chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Quốc Minh Liệu; Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ghi ngày 01/5/1992; Sổ hộ khẩu mang tên Huỳnh Quốc Minh Liệu; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 168/2019 do UBND phường

Khuê Trung, quận Cẩm Lệ cấp cho Huỳnh Quốc Minh Liệu và Trần Thị Thu K; Sổ hộ khẩu mang tên Huỳnh Văn Tá; Sổ hộ khẩu mang tên Võ Thị Thời; Chứng thư kiến điền thửa số 92, tờ bản đồ 26 ghi ngày 28/6/1963; Biên bản mô tả ranh giới thửa đất của Nguyễn Văn Ninh ghi ngày 25/02/2010 và chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Thu K;

Trong quá trình điều tra, bị cáo TRẦN CẢNH T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Với nội dung trên tại Bản cáo trạng số: 59/CT-VKS ngày 16/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo TRẦN CẢNH T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo TRẦN CẢNH T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” như nội dung Cáo trạng truy tố. Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như về nhân thân bị cáo, qua đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo TRẦN CẢNH T mức án từ 09 đến 12 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ Luật hình sự xử lý như sau:

- Đối với 02 bộ hồ sơ đất phô tô mà chị O đưa cho T đề nghị tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án;

Tại phiên tòa bị cáo TRẦN CẢNH T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Liên

Chiều, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2020, tại địa bàn quận Liên Chiểu và Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, TRẦN CẢNH T đã đưa ra những thông tin gian dối nhằm tạo niềm tin của chị Trần Thị Kiều O rồi nhiều lần nhận tiền và hồ sơ để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa đất cho chị Trần Thị Kiều O và chị Trần Thị Thu K. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền và hồ sơ T không làm và cũng không liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục tách thửa đất cho chị O, chị K nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền chị O, chị K đã đưa để tiêu xài cá nhân. Số tiền mà T đã chiếm đoạt của chị O là 16.500.000 đồng, chị K là 21.000.000 đồng. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt là 37.500.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo TRẦN CẢNH T đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo TRẦN CẢNH T thì thấy: Do lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cho nhu cầu của bản thân mà bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin giả để tạo lòng tin và chiếm đoạt tiền của những người bị hại với tổng số tiền là 37.500.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến uy tín của các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền. Do đó đối với bị cáo cần xử phạt một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời dài mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Ngoài tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS, bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo TRẦN CẢNH T đã thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã từng đi nghĩa vụ quân sự. Bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại, người bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà bị cáo được hưởng được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo TRẦN CẢNH T đã khắc phục hậu quả trả lại toàn bộ số tiền là 37.500.000 đồng đã chiếm đoạt cho người bị hại là chị Trần Thị Kiều O và chị Trần Thị Thu K, người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6]. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ Luật hình sự xử lý như sau: Tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án đối với 02 bộ hồ sơ đất photo mà chị O đưa cho bị cáo;

[7]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **TRẦN CẢNH T** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **TRẦN CẢNH T 12 (Mười hai) tháng** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ Luật hình sự, tuyên: Tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án đối với 02 bộ hồ sơ đất photo mà chị Trần Thị Kiều O đưa cho bị cáo.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo **TRẦN CẢNH T** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA dân sự quận Liên Chiểu;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu;
- TAND TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nguyễn Thi Thi